

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 01-3-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng Vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà **Nguyễn Thị Ly**
- 2. Ông **Ngô Văn Mừng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “**Hợp đồng Vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- 1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị H** – Sinh năm 1952.
Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.
Bà **H** ủy quyền hợp pháp cho chị **Trần Thị Kim T** – Sinh năm 1990 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.
- 2. *Bị đơn:* **Ngô Thị Ngọc B** – Sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** ủy quyền cho chị **Trần Thị Kim T** trình bày, vào ngày 11/12/2012, bà **H** có cho bà **B** vay 20.000.000đ, để làm vốn mua bán. Việc cho vay này bà **B** có làm biên nhận và hẹn đến tháng 01/2013 trả lại, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng.

Sau khi vay, bà **B** không đóng lãi hay trả vốn cho bà. Bà **H** có đòi nhiều lần, nhưng bà **B** không trả.

Nay chị yêu cầu bà Ngô Thị Ngọc B trả số tiền 20.000.000đ cho bà H, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên từ ngày 11/12/2012 cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Ngô Thị Ngọc B trình bày, thừa nhận lời trình bày của bà H về thời gian và số tiền vay là đúng. Lãi suất vay 5%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ, bà vay để làm vốn mua bán. Sau khi vay, bà có đóng lãi cho bà H từ năm 2012 đến năm 2014 và trả được 8.000.000đ vốn. Việc trả vốn và đóng lãi không có giấy tờ và không ai biết. Nay phía bà H yêu cầu trả 20.000.000đ vốn và tính lãi từ tháng 12/2012 đến khi xét xử, bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả 12.000.000đ và xin được trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết số nợ 12.000.000đ, còn lãi xin không trả.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bà Ngô Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng bà B vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết:

Hợp đồng hai bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được thể hiện bằng biên nhận nợ 20.000.000đ. Tại Tòa án bà B xác định có vay 20.000.000đ, việc bà cho rằng đã trả 8.000.000đ, nhưng bà không có cơ sở gì chứng minh, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà B trả 20.000.000đ là có căn cứ.

Buộc bà B trả cho bà H số tiền 20.000.000đ và trả lãi theo quy định của pháp luật.

Bà B cho rằng đã đóng lãi mỗi tháng 1.000.000đ từ năm 2012 đến năm 2014, nhưng bà không có cơ sở gì chứng minh, bà H không thừa nhận, nên không có cơ sở xem xét.

Đối với yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đ, không được chị T chấp nhận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Ngô Thị Ngọc B yêu cầu trả 20.000.000đ. Bà Ngô Thị Ngọc B có nơi cư trú ấp M, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Ngô Thị Ngọc B đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà B vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ngô Thị Ngọc B là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Kim T được bà H ủy quyền yêu cầu bà B trả 20.000.000đ, yêu cầu tính lãi số tiền trên theo quy định của pháp luật. Bà B thừa nhận có vay của bà H số tiền trên, nhưng bà đã trả vốn được 8.000.000đ và đóng lãi từ năm 2012 đến năm 2014 nhưng không có giấy tờ hay cơ sở gì chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay giữa bà H với bà B

được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có lập thành văn bản, được hai bên thừa nhận đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên, do bà B không thực hiện nghĩa vụ như hai bên đã giao kết. Do đó, việc bà H yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự.

Đối với việc bà B cho rằng đã trả được 8.000.000đ vốn, còn nợ lại 12.000.000đ vốn và đóng lãi từ năm 2012 đến năm 2014, nhưng việc trả vốn, đóng lãi bà H không thừa nhận, bà B không có giấy tờ hay cơ sở gì chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật, đương sự phải chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nhưng phía bà B không có cơ sở gì chứng minh cho việc trả vốn, đóng lãi của mình, trong khi phía bà H không thừa nhận việc này. Do đó, việc bà B trình bày đã trả số tiền vốn và đóng lãi cho bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của chị T đối với số tiền 20.000.000đ từ ngày 11/12/2012 cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Áp dụng quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước được tính từ ngày 01/12/2010, quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm (0,75%/tháng) cụ thể như sau:

Từ thời điểm ngày 11/12/2012 tính đến thời điểm xét xử là 62,5 tháng $20.000.000đ \times 0,75\% \times 150\% \times 62,5 = 14.062.500đ$

Từ cơ sở trên, buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn, lãi 34.062.500đ.

Đối với yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ, chị T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ này bà B thiếu đã lâu, nay lại xin trả dần làm thiệt hại đến quyền lợi của bà H. Do đó, yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 229 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H.**

Buộc bà **Ngô Thị Ngọc B** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị H** vốn 20.000.000đ, lãi 14.062.500đ, cộng chung 34.062.500đ (Ba mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất **10%/năm** tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Án phí dân sơ thẩm bà Ngô Thị B phải chịu 1.703.000đồng (Một triệu, bảy trăm lẻ ba ngàn đồng).

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ly Ngô Văn Được

Nguyễn Công Đức